

Số: 196 /LĐLĐ-VP
V/v hướng dẫn sơ kết công tác
công đoàn 6 tháng đầu năm 2019

Hải Phòng, ngày 27 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: - Các ban Liên đoàn Lao động thành phố;
- Liên đoàn Lao động các quận, huyện;
- Công đoàn ngành, công đoàn cơ sở trực thuộc;
- Đơn vị kinh tế, sự nghiệp công đoàn.

Thực hiện Công văn số 675/TLĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc sơ kết hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019, Liên đoàn Lao động thành phố yêu cầu Liên đoàn Lao động các quận, huyện, công đoàn ngành, công đoàn cơ sở trực thuộc, đơn vị kinh tế, sự nghiệp công đoàn tiến hành sơ kết hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của cấp mình, tập trung vào những nội dung chủ yếu như sau.

I. TÌNH HÌNH CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG

1. Nêu khái quát tình hình kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, đơn vị và những tác động trực tiếp đến công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn.

2. Phản ánh về số lượng, chất lượng công nhân, viên chức, lao động của địa phương, ngành; tình hình việc làm, tiền lương, nhà ở, điều kiện lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thực hiện pháp luật lao động của doanh nghiệp, về thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; an toàn vệ sinh thực phẩm; tư tưởng, tâm trạng, nguyện vọng của công nhân, viên chức, lao động.

3. Những bất cập, khó khăn, vướng mắc cần quan tâm, các vấn đề mới phát sinh hoặc dự báo phát sinh trong thực tiễn cùng những tác động, ảnh hưởng và yêu cầu đặt ra đối với tổ chức công đoàn.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Căn cứ các chỉ tiêu Liên đoàn Lao động thành phố giao trong năm 2019, nhiệm vụ chính trị của địa phương, ngành, đơn vị cần đánh giá, phân tích, làm rõ những kết quả đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2019; những hạn chế, nguyên nhân cần khắc phục theo các nội dung sau:

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; việc tham gia giải quyết tranh chấp lao động và ngừng việc tập thể.

- Nghiên cứu, tham gia xây dựng các chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến đoàn viên và người lao động, công đoàn.

- Kết quả thực hiện Chương trình “Nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết và thực hiện có hiệu quả thỏa ước lao động tập thể”.

- Công tác phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật lao động, Luật Công đoàn, Luật Bảo hiểm xã hội tại các doanh nghiệp, kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý vi phạm, giải quyết vướng mắc, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.

- Kết quả triển khai thực hiện Hướng dẫn số 995/HD-TLĐ ngày 30/6/2016 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về công đoàn khởi kiện, tham gia tố tụng dân sự giải quyết các vụ án tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp lao động tập thể.

- Hoạt động của các cấp công đoàn hưởng ứng “Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động” năm 2019.

- Công tác tham gia xây dựng và thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị; tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, hội nghị người lao động và đối thoại tại nơi làm việc.

- Việc tham gia giải quyết tranh chấp lao động và ngừng việc tập thể (nếu có).

2. Hoạt động chăm lo đời sống cho đoàn viên và người lao động

- Đánh giá kết quả 02 năm triển khai thực hiện “Chương trình phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”, trong đó tập trung làm rõ việc ký kết và phối hợp với các đối tác để triển khai các thỏa thuận hợp tác; số lượng đoàn viên, người lao động được thụ hưởng các ưu đãi từ các hoạt động chăm lo; mô hình mới, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện chương trình.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết 7c/NQ-BCH ngày 25/02/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về chất lượng bữa ăn ca của người lao động.

- Công tác chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 24/KH-LĐLĐ ngày 04/3/2019 của LĐLĐ Thành phố về tổ chức các hoạt động kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2019).

- Chương trình “Tết Sum vầy” và các hoạt động xã hội trong việc chăm lo đến các đối tượng chính sách, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là các hoạt động chăm lo Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi cho người lao động, kết quả hỗ trợ “Mái ấm Công đoàn”, tổ chức các chuyến xe đưa công nhân về quê đón Tết; giải quyết cho CNVCLĐ vay vốn từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ Trợ vốn CNVCLĐ nghèo phát triển kinh tế gia đình...

- Công tác vận động ủng hộ các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

3. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức cho đoàn viên và người lao động

- Công tác tuyên truyền, quán triệt học tập Nghị quyết Đại hội Công đoàn các cấp, Nghị quyết Đại hội XIV Công đoàn Thành phố, Nghị quyết Đại hội XII

Công đoàn Việt Nam; các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Kết quả cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XIV Công đoàn Thành phố, Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam thành chương trình hành động và chỉ đạo tổ chức thực hiện gắn với Nghị quyết Đại hội Công đoàn các cấp, đặc điểm tình hình và nhiệm vụ chính trị của ngành, đơn vị.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho người sử dụng lao động và người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, trong đó tập trung tuyên truyền Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn vệ sinh lao động...

- Kết quả triển khai các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của Thành phố và đất nước; kỷ niệm 133 năm ngày Quốc tế Lao động (1/5/1886- 1/5/2019) và hoạt động Tuần Văn hóa Thể thao CNVCLĐ, Tháng Công nhân năm 2019.

- Công tác giáo dục truyền thống gắn với tổ chức các phong trào VHVN, TDTT, các hoạt động kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2019), 133 năm ngày Quốc tế Lao động 1/5, 44 năm ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước, 129 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, 65 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 08/KH-TLĐ ngày 31/01/2019 của Tổng Liên đoàn về việc tổ chức “Tháng Công nhân” năm 2019 với chủ đề “Mỗi công đoàn cơ sở, một lợi ích đoàn viên”; những chuyển biến và nội dung mới trong tổ chức, trong kết quả đạt được.

- Công tác tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, tội phạm, ma túy, mại dâm và tệ nạn xã hội trong công nhân, viên chức, lao động.

4. Kết quả phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động và hoạt động Công đoàn

- Kết quả các phong trào thi đua yêu nước chào mừng các ngày kỷ niệm của thành phố và đất nước, chào mừng 90 năm thành lập Công đoàn Việt Nam.

- Đánh giá mô hình, phong trào thi đua trong khu vực hành chính, sự nghiệp và khu vực sản xuất, kinh doanh.

- Kết quả khen thưởng trong các phong trào thi đua, trong đó chú ý số lượng công nhân, lao động trực tiếp sản xuất.

- Kết quả phong trào thi đua Lao động giỏi, lao động sáng tạo.

- Kết quả triển khai phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo, hiệu quả” trong các cấp công đoàn.

5. Công tác phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ công đoàn

- Kết quả công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở gắn với nâng cao chất lượng công đoàn cơ sở.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ CĐCS, nhất là CĐCS ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng hoạt động cho đội ngũ cán bộ công đoàn sau Đại hội Công đoàn các cấp.

- Công đoàn tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Công tác giới thiệu, kết nạp Đảng.

- Việc triển khai phần mềm quản lý đoàn viên và đổi thẻ đoàn viên công đoàn.

- Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-BCH ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về công tác cán bộ công đoàn trong tình hình mới.

6. Công tác nữ công

- Công tác tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác nữ, về giới, bình đẳng giới; việc thực hiện Nghị quyết số 11- NQ/TW của Bộ Chính trị; triển khai Chiến lược Quốc gia về “Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020”; Nghị quyết số 6b/NQ-BCH của BCH Tổng LĐLĐ Việt Nam về “Công tác vận động nữ CNLĐ trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”.

- Kết quả các phong trào thi đua trong nữ CNVCLĐ, đặc biệt là thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

- Công tác giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến lao động nữ.

- Các hoạt động truyền thông về dân số, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khoẻ sinh sản, an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng; công tác giáo dục đời sống gia đình trong CNVCLĐ.

7. Công tác tài chính và hoạt động kinh tế

- Đánh giá công tác thu, chi, quản lý tài chính công đoàn, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 9c/NQ-BCH ngày 18/10/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về điều chỉnh giảm tỉ trọng chi hành chính, hoạt động phong trào tại Công đoàn các cấp để tạo nguồn kinh phí cho đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn phục vụ đoàn viên, công nhân, lao động các khu công nghiệp, khu chế xuất và thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản của Tổng Liên đoàn.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản và hoạt động kinh tế công đoàn.

8. Hoạt động của Ủy ban Kiểm tra

- Việc kiểm tra chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, kiểm tra công tác tài chính công đoàn, giải quyết đơn thư của CNVCLĐ, giám sát việc thực hiện Quyết định 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị,...

9. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN VIÊN, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC CẤP CÔNG ĐOÀN VỚI ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, THÀNH PHỐ VÀ CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN (đặc biệt cơ chế, chính sách đối với NLĐ và hoạt động công đoàn).

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

Căn cứ Chương trình làm việc toàn khoá của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động thành phố (khoá XIV) và chương trình công tác của các cấp công đoàn năm 2019, các đơn vị cần chủ động xây dựng nhiệm vụ chủ yếu tập trung chỉ đạo, thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2019.

* Liên đoàn Lao động thành phố yêu cầu:

- Liên đoàn Lao động các quận, huyện, công đoàn ngành và tương đương, công đoàn cơ sở trực thuộc xây dựng báo cáo cần tập trung đánh giá tình hình công nhân, viên chức, lao động, đánh giá những cách làm hay, cách làm sáng tạo hoặc những mô hình hoạt động hiệu quả trong hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2019.

- Các Ban Liên đoàn Lao động thành phố, các đơn vị sự nghiệp, kinh tế công đoàn thành phố, Trung tâm Tư vấn pháp luật, Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo, Trung tâm Vì người lao động nghèo, Ban Quản lý Nhà trường niệm đồng chí Nguyễn Đức Cảnh xây dựng báo cáo sơ kết theo chức năng nhiệm vụ và nhiệm vụ Thường trực giao thực hiện năm 2019.

Liên đoàn Lao động các quận huyện, Công đoàn ngành, Công đoàn cơ sở trực thuộc, các Ban Liên đoàn Lao động thành phố gửi báo cáo và báo cáo số liệu thống kê (theo biểu mẫu gửi kèm, số liệu thực hiện đến 31/5/2019) về Văn phòng Liên đoàn Lao động thành phố bằng văn bản và qua Hộp thư công vụ điện tử: ldld.vanphong@haiphong.gov.vn **chậm nhất trước ngày 7/6/2019 (thứ Sáu)** để tổng hợp báo cáo gửi Tổng Liên đoàn, Thành ủy Hải Phòng và trình Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động thành phố. / *fw*

Nơi nhận:

- Thường trực LĐLĐ TP;
- Như kính gửi;
- Lưu: VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thị Ngọc

Công đoàn cấp trên :
Đơn vị báo cáo :

MẪU SỐ 2-HĐCB
(Dùng cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương)

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

NĂM: 2019

(Số liệu tính đến ngày : 31/5)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I. Tình hình lao động			
1. Lao động			
1	Tổng số lao động	người	0
	- Trong đó : nữ	“	0
2. Việc làm			
2	Số lao động thiếu việc làm	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
3	Số lao động nữ thiếu việc làm	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%	0,00
3. Tiền lương			
4	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
5	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
6	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các đơn vị sự nghiệp	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
7	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
8	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
9	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	đồng	0
	+ Số người được tính	người	0
10	Số doanh nghiệp còn nợ lương người lao động	DN	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%	0,00
11	Tổng số tiền lương doanh nghiệp còn nợ người lao động	đồng	0
4. Nhà ở			
12	Số người được nhà nước, cơ quan, doanh nghiệp bố trí nhà ở	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
13	Số người phải tự thuê nhà ở	người	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
	5. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		
14	Số lao động được ký hợp đồng lao động	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
15	Số lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
16	Số doanh nghiệp nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN	
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%	
17	Số tiền doanh nghiệp nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	đồng	
	6. Tranh chấp lao động tập thể, đình công		
18	Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra	vụ	0
	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:		
19	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ	0
20	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“	0
21	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“	0
	- Chia theo nguyên nhân tranh chấp lao động tập thể, đình công:		
22	+ Về quyền	vụ	0
23	+ Về lợi ích	“	0
24	+ Về quyền và lợi ích	“	0
25	+ Về các nguyên nhân khác	“	0
	7. Công tác an toàn, vệ sinh lao động		
26	Tổng số vụ tai nạn lao động	vụ	0
	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:		
27	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ	0
28	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“	0
29	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“	0
30	Số vụ tai nạn chết người	“	0
	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:		
31	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ	0
32	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“	0
33	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“	0
34	Số người chết	người	0
35	Số người mắc bệnh nghề nghiệp	“	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
	8. Thỏa ước lao động tập thể		
36	Số doanh nghiệp có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%	0,00
37	Số doanh nghiệp nhà nước có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp nhà nước	%	0,00
38	Số doanh nghiệp ngoài nhà nước có tổ chức công đoàn có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước	%	0,00
39	Số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tổ chức công đoàn có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	%	0,00
9. Thực hiện quy chế dân chủ			
40	Số cơ quan hành chính nhà nước có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số cơ quan hành chính nhà nước	%	0,00
41	Số đơn vị sự nghiệp công lập có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	%	0,00
42	Số doanh nghiệp nhà nước có tổ chức hội nghị người lao động	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp nhà nước	%	0,00
43	Số công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có tổ chức hội nghị người lao động	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn	%	0,00
44	Số doanh nghiệp có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc với người lao động	doanh nghiệp	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%	0,00
45	Số đơn vị có ban Thanh tra nhân dân	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%	0,00
46	Số đơn vị có quy chế dân chủ	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%	0,00
II. Chăm lo, bảo vệ lợi ích cho đoàn viên và người lao động			
47	Số trung tâm, văn phòng, tổ tư vấn pháp luật thuộc công đoàn cấp tỉnh, ngành	đơn vị	
48	Số người được tư vấn	người	
49	Số người được bảo vệ tại tòa án	người	
50	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
51	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	đồng	0
52	Số đoàn viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
53	Số đoàn viên và người lao động bị xâm phạm về quyền, lợi ích được công đoàn bảo vệ	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
III. Công tác thi đua			
1. Sáng kiến			
54	Số đơn vị có sáng kiến	đơn vị	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%	0,00
55	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến	0
56	Giá trị làm lợi	đồng	0
57	Tiền thưởng sáng kiến	“	0
2. Công trình sản phẩm thi đua			
58	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP	0
59	Giá trị công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	đồng	0
3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua”			
60	Cấp cơ sở	người	
61	- Trong đó : nữ	“	
62	Cấp tỉnh, thành phố, bộ, ngành Trung ương, TLD	“	
63	- Trong đó : nữ	“	
64	Cấp toàn quốc	“	
65	- Trong đó : nữ	“	
4. Danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”			
66	Số người đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%	0,00
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục			
1. Tuyên truyền, giáo dục			
67	Số công đoàn cơ sở có tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục	CĐCS	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%	0,00
68	Số cuộc tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật... do công đoàn tổ chức	cuộc	0
69	Số đoàn viên và người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các Nghị quyết của Công đoàn	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
2. Văn hoá, thể thao			
70	Số công đoàn cơ sở có tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao	CĐCS	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%	0,00
71	Số cuộc hội thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn chủ trì hoặc tham gia tổ chức	cuộc	0
72	Số lượt người tham gia	người	0
3. Học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp			
73	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%	0,00
74	Số đoàn viên và người lao động là nữ được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%	0,00
	4. Công đoàn giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng		
75	Số công đoàn cơ sở có giới thiệu đoàn viên công đoàn ưu tú cho tổ chức Đảng	CĐCS	0
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%	0,00
76	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng	người	0
77	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng	người	0
	V. Công tác nữ công		
78	Số công đoàn cơ sở có ban nữ công quần chúng	CĐCS	0
	- Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%	0,00
79	Tổng số uỷ viên ban nữ công quần chúng	người	0
	VI. Hoạt động xã hội		
	1. Quỹ quốc gia hỗ trợ giải quyết việc làm do tổ chức công đoàn quản lý		
80	Số vốn đang sử dụng	đồng	
81	Số người được hỗ trợ giải quyết việc làm	người	
	2. Quỹ trợ vốn cho lao động nghèo tự tạo việc làm		
82	Số tiền cho vay	đồng	
83	Số người được vay vốn	người	
	3. Quỹ “Mái ấm công đoàn” do tổ chức công đoàn quản lý		
84	Số tiền đã sử dụng	đồng	
85	Số nhà “Mái ấm công đoàn”	nhà	
86	Số người được giúp đỡ	người	
	4. Quỹ “Vì nữ công nhân, lao động nghèo” do tổ chức công đoàn quản lý		
87	Số tiền cho vay	đồng	
88	Số người được giúp đỡ	người	
	5. Các loại quỹ khác do tổ chức công đoàn quản lý		
89	Số tiền đã sử dụng	đồng	
90	Số người được giúp đỡ	người	
	VII. Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ		
91	Số cuộc công đoàn tham gia kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ theo quy định pháp luật	cuộc	
92	Số cuộc công đoàn tham gia kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ đối với lao động nữ	cuộc	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
VIII. Công tác tổ chức			
1. Đơn vị HCSN, doanh nghiệp			
93	Số đơn vị HCSN, doanh nghiệp đã đi vào hoạt động và có từ 30 lao động trở lên	“	
94	Số đơn vị HCSN, doanh nghiệp đã đi vào hoạt động và có từ 30 lao động trở lên đã thành lập công đoàn cơ sở	“	
2. Đoàn viên công đoàn			
95	Tổng số đoàn viên công đoàn	người	
96	Trong đó: + nữ	“	
97	Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“	
98	Tổng số đoàn viên giảm	“	
99	Tổng số đoàn viên tăng (giảm) thực tế	“	
3. Tổ chức bộ máy công đoàn			
100	Số công đoàn cơ sở	CĐCS	
	Trong đó:		
101	- Cơ quan hành chính nhà nước	CĐCS	
102	- Đơn vị sự nghiệp công lập	“	
103	- Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	“	
104	- Doanh nghiệp nhà nước	“	
105	- Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“	
106	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“	
107	- Hợp tác xã	“	
108	Số nghiệp đoàn	NĐ	
109	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị	
4. Cán bộ công đoàn			
110	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách	người	
111	Trong đó: - Nữ	“	
	Chia ra:		
112	- Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương	“	
113	- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	“	
114	- Công đoàn cơ sở	“	
115	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách	“	
116	- Trong đó: Nữ	“	
117	Số cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp	“	
118	- Trong đó: Nữ	“	
119	Số cán bộ nữ công công đoàn cấp trên cơ sở	“	
5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
120	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	người	
121	- Trong đó: Nữ	“	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
122	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	“	
123	Số cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về bình đẳng giới, lồng ghép giới	“	
	- Tỷ lệ so với tổng số cán bộ công đoàn chủ chốt	%	
124	Số cán bộ nữ công công đoàn cấp trên cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về bình đẳng giới, lồng ghép giới	người	
	- Tỷ lệ so với tổng số cán bộ nữ công công đoàn cấp trên cơ sở	%	
6. Kết quả xếp loại công đoàn cơ sở vững mạnh			
125	Tỷ lệ công đoàn cơ sở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đạt tiêu chuẩn “Công đoàn cơ sở vững mạnh”	%	
126	Tỷ lệ công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt tiêu chuẩn “Công đoàn cơ sở vững mạnh”	“	

Ngày tháng năm 2017

TM. BAN THƯỜNG VỤ

....

.....

Công đoàn cấp trên :
Đơn vị báo cáo :

MẪU SỐ 1-HĐCD
(Dùng cho công đoàn cơ sở
và nghiệp đoàn)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

NĂM : 2019

(Số liệu tính đến ngày : 31/10)

A- SỐ LIỆU

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	I. Tình hình lao động			
	1. Lao động			
1	Tổng số lao động	người		
2	- Trong đó: nữ	“		
	2. Việc làm			
3	Số lao động thiếu việc làm	người		
4	- Trong đó: nữ	“		
	3. Tiền lương			
5	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động	đồng		
	+ Số người được tính	người		
6	Tổng số tiền doanh nghiệp còn nợ lương người lao động	đồng		
	4. Nhà ở			
7	Số người được nhà nước, cơ quan, doanh nghiệp bố trí nhà ở	người		
8	Số người phải tự thuê nhà ở	“		
	5. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp			
9	Số lao động được ký hợp đồng lao động	người		
10	Số lao động được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	người		
	6. Tranh chấp lao động tập thể, đình công			
11	Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra	vụ		
	Nguyên nhân tranh chấp lao động tập thể, đình công:			
12	+ Về quyền	vụ		
13	+ Về lợi ích	“		
14	+ Về quyền và lợi ích	“		
15	+ Về các nguyên nhân khác	“		
	7. Công tác an toàn, vệ sinh lao động			
16	Tổng số vụ tai nạn lao động	vụ		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	- Trong đó: Tai nạn chết người	“		
18	Số người bị tai nạn lao động	người		
19	- Trong đó : Số người chết	“		
20	Số người mắc bệnh nghề nghiệp	“		
	8. Thỏa ước lao động tập thể			
21	Đơn vị có thỏa ước lao động tập thể	có/không		
	9. Thực hiện quy chế dân chủ			
22	Đơn vị có tổ chức hội nghị người lao động hoặc hội nghị cán bộ, công chức	có/không		
23	Đơn vị có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc với người lao động	“		
24	Đơn vị có ban Thanh tra nhân dân	“		
25	Đơn vị có quy chế dân chủ	“		
	II. Chăm lo, bảo vệ lợi ích cho đoàn viên và người lao động			
26	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	người		
27	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	đồng		
28	Số đoàn viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ	người		
29	Số đoàn viên và người lao động bị xâm phạm về quyền, lợi ích được công đoàn cơ sở đứng ra bảo vệ	người		
	III. Công tác thi đua			
	1. Sáng kiến			
30	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
31	Giá trị làm lợi	đồng		
32	Tiền thưởng sáng kiến	“		
	2. Công trình, sản phẩm thi đua			
33	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
34	Giá trị công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	đồng		
	IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục			
	1. Tuyên truyền, giáo dục			
35	Số cuộc tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật... do công đoàn tổ chức	cuộc		
36	Số đoàn viên và người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các Nghị quyết của Công đoàn	người		
	2. Văn hoá, thể thao			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	Số cuộc hội thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn chủ trì hoặc tham gia tổ chức	cuộc		
38	Số lượt người tham gia	người		
	3. Học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp			
39	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người		
40	- Trong đó: nữ	“		
	4. Công đoàn giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng			
41	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng	người		
42	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng	người		
	V. Công tác nữ công			
43	Số người đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”	“		
44	Số ủy viên Ban nữ công quần chúng	“		
	VI. Đoàn viên, cán bộ công đoàn			
45	Tổng số đoàn viên công đoàn	người		
46	- Trong đó : nữ	“		
47	Số cán bộ công đoàn chuyên trách	“		
48	- Trong đó : nữ	“		
49	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách	“		
50	- Trong đó : nữ	“		

B- CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC :

C- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ :

Ngày tháng năm 2017

TM. BAN CHẤP HÀNH

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
----	----------	-------------	----------	---------